TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC - TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-5-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Đức Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Tiến Bộ.

ông Lê Mạnh Nhanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Nguyễn Hữu Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 304/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về: tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **Trần Thị Ngọc A**, sinh năm 2001.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đội 5, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam.

- *Bị đơn:* anh **Nguyễn Văn Ch**, sinh năm 1997.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đội 1, thôn X, xã L, huyện M, Thành phố Hà Nội.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc A trình bày:

- *Về hôn nhân*: chị và anh Nguyễn Văn Ch kết hôn tự nguyện, đăng ký hợp pháp ngày 13/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì liên tiếp phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm, lối sống, anh Ch ham chơi nợ nần, nghiện hút, sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, nên đời sống chung không có hạnh phúc. Năm 2021 anh Ch còn phải đi chấp hành án vì tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và vừa đi chấp hành án về. Từ tháng 12/2020 đến nay vợ chồng đã ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn anh Nguyễn Văn Ch để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung:* chị và anh Nguyễn Văn Ch có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 10/4/2018. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu T ở với chị và do chị trực tiếp cháu chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, công sức và nợ chung*: chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai triếp theo, bị đơn là anh Nguyễn Văn Ch trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh xác nhận thời điểm, nơi đăng ký kết hôn, thời điểm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời điểm vợ chồng sống ly thân như chị Trần Thị Ngọc A trình bày là đúng sự thật. Anh thừa nhận bản thân anh có thời gian ham chơi và phải đi chấp hành án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Anh đã tìm đủ biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 12/2020 đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng và không ai quan tâm đến ai. Nay chị Trần Thị Ngọc A xin ly hôn thì anh có nguyện vọng xin đoàn tụ để vợ chồng về chăm sóc con chung.

- *Về con chung:* anh và chị Trần Thị Ngọc A có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 10/4/2018. Hiện nay cháu T đang ở với chị A. Trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* anh xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ

đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôn nay, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc A đối với anh Nguyễn Văn Ch.

- Giao con chung Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 10/4/2018 cho chị Trần Thị Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Ngọc A không yêu cầu anh Nguyễn Văn Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: do đương sự xác nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị Trần Thị Ngọc A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Chị Trần Thị Ngọc A khởi kiện xin ly hôn bị đơn là anh Nguyễn Văn Ch có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội và nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn Ch kết hôn tự nguyện, có đăng ký, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc và đã sống ly thân, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm tới ai.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Ch xin đoàn tụ. Tuy nhiên anh Ch không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị Trần Thị Ngọc A vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn.

Xét thấy các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn Ch đã bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị A và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 10/4/2018 của chị Trần Thị Ngọc A và của anh Nguyễn Văn Ch, Hội đồng xét xử nhận thấy: trong quá trình chung sống, anh Ch có hành vi vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án thời gian dài, chị A một mình chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đầy đủ về mọi mặt và hiện tại đang sinh sống và học tập ổn định với chị A. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của con chung nên cần thiết chấp nhận yêu cầu của chị A và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, theo đó giao cháu Nguyễn Thị Ánh T cho chị Trần Thị Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự đều xác nhận không có và không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc A, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Ngọc A được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 10/4/2018 cho chị Trần Thị Ngọc A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Ngọc A không yêu cầu anh Nguyễn Văn Ch cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn Ch có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Trần Thị Ngọc A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 39140 ngày 09/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Hiệp